

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 9 - 2020
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Nghĩa

2. Ông Hoàng Chí Tình

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2020/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hoài P, sinh năm: 1996;

Nơi cư trú: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Thanh Á, sinh năm: 1993;

Nơi cư trú: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07 tháng 5 năm 2020, bản tự khai, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Hoài P trình bày: Chị và anh Lê Thanh Á có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn vào ngày 03/7/2017 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do lối sống của vợ chồng không thể hòa hợp. Hai bên gia đình đã can thiệp, hòa giải nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn với anh Lê Thanh Á

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Lê Gia H, sinh ngày 08/8/2018. Nếu vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh Á cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung bản tự khai và tại phiên hoà giải bị đơn anh Lê Thanh Á trình bày:

Anh Lê Thanh Á thừa nhận các vấn đề về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung đúng như chị P trình bày. Tuy nhiên, sau khi kết hôn vợ chồng sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp ý nhau nên thường xuyên cãi vã, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Nay chị P làm đơn xin ly hôn thì anh có nguyện vọng được vợ chồng trở lại đoàn tụ. Nếu ly hôn thì anh có nguyện vọng xin được nuôi con

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Hoài P có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Thanh Á. Hiện tại anh Á đang có hộ khẩu thường trú tại: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt bị đơn anh Lê Thanh Á. Anh Á đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Lê Thanh Á

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị P và anh Á kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng có những mâu thuẫn không giải quyết được nên anh chị đã sống ly thân hơn 01 năm nay, không ai quan tâm gì đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, chị P kiên quyết xin được ly hôn với anh Á.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh Á bắt nguồn từ việc không tìm được tiếng nói chung, mặc dù anh Á có mong muốn vợ chồng đoàn tụ tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Á không có động thái hay tác động gì đến chị P để níu kéo hạnh phúc gia đình. Tại phiên tòa chị P kiên quyết xin được ly hôn với anh Á vì cảm thấy cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị P được ly hôn với anh Á là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung:

Quá trình chung sống chị P và anh Á có 01 con chung như anh chị đã trình bày. Nếu vợ chồng ly hôn chị P và anh Á đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu Lê Gia H còn nhỏ tuổi, đang ở với chị P, cháu H cần được sự chăm sóc, giúp đỡ từ mẹ; hiện tại chị P có công việc ổn định tại nhà. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình giao con chung Lê Gia H cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về quan hệ tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị P và anh Á trình bày vợ chồng tự thỏa thuận nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Hoài P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1 và khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt anh Lê Thanh Á

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Hoài P. Xử cho chị Nguyễn Thị Hoài P được ly hôn với anh Lê Thanh Á

3. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Lê Gia H, sinh ngày 08/8/2018 cho chị Nguyễn Thị Hoài P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Á không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị P không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hoài P chịu trách nhiệm nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006867 ngày 07 tháng 5 năm 2020. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã Q, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

(*Đã ký*)

Tưởng Thị Hà